

Số: 245 /QĐ-TMDL

Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở trường trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6953/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Quy định về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành 10 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng
(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2019 - 2020.

Điều 3. Các Phòng, Khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đàm Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245 /QĐ-TMDL ngày 17 tháng 09 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Quản trị khách sạn
Mã ngành:	6810201
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo các nhà quản trị khách sạn, có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành khách sạn; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị khách sạn theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ lễ tân khách sạn: Vị trí, vai trò, các quy trình nghiệp vụ của nhân viên lễ tân khách sạn

- Nêu được các công việc cụ thể đối với nhân viên phục vụ nhà hàng. Phân tích được quy trình phục vụ khách ăn uống theo các thực đơn và các kỹ thuật phục vụ bàn.

- Trình bày được các kiến thức chung về các loại đồ uống, phương pháp và kỹ thuật pha chế các loại đồ uống cơ bản

- Nêu được các yêu cầu đối với nhân viên phục vụ buồng, các nguyên tắc, yêu cầu và kỹ thuật về sinh buồng khách và khu vực chung khách trong khách sạn. Phân tích được quy trình phục vụ khách lưu trú tại khách sạn.

- Trình bày được các khái niệm, vai trò về kinh doanh khách sạn. Liệt kê được cơ sở vật chất cơ bản trong khách sạn. Phân tích được các nội dung của quản trị kinh doanh khách sạn.

*** Về kỹ năng:**

- Phục vụ được khách ăn uống tại nhà hàng khách sạn theo thực đơn.

- Thực hiện được quy trình phục vụ khách của bộ phận lễ tân: thực hiện các bước đặt buồng cho khách, làm thủ tục nhận buồng, thanh toán tiền khách và các nghiệp vụ cơ bản của nhân viên lễ tân Hình thành cho người học kỹ năng nghề nghiệp của nghiệp vụ lễ tân như: th

- Thực hiện các thao tác chuẩn bị, vệ sinh buồng khách cũng như các công việc của người nhân viên phục vụ buồng.

- Sắp đặt quầy bar trong nhà hàng khách sạn, nhận biết các loại đồ uống trong bar. Pha chế được các loại đồ uống cơ bản hiện nay trong nhà hàng khách sạn.

- Có khả năng tổ chức điều hành tại các bộ phận phục vụ trong khách sạn.

*** Về thái độ:**

- Có tác phong nhanh nhẹn trong phục vụ

- Có thái độ phục vụ lịch sự, chu đáo

- Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên đủ khả năng đảm nhiệm được ở vị trí nhân viên lễ tân, buồng phòng, nhân viên phục vụ nhà hàng, nhân viên phục vụ hội nghị. Tùy theo khả năng cá nhân, kinh nghiệm thực tiễn, môi trường công tác và loại hình khách sạn, sinh viên có khả năng đảm đương các vị trí công tác cao hơn như giám sát bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng hoặc quản lý khách sạn nhỏ.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 31 môn học

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.765 giờ

- Khối lượng các môn học chung: 440 giờ

- Khối lượng các môn học đào tạo ngành: 2.325 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 628 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 2.137 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	Tổng số	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung/đại cương		14	440	160	257	23
MH1	CBCT019	Giáo dục Chính trị	L/Thuyết	03	75	41	29	05
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	02	35	21	12	02
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	05	51	04
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	35	04
MH5	CNTH017	Tin học	L/Thuyết	03	75	15	58	02
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	03	60	21	36	03
MH7	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	03	60	21	36	03
	II	Các môn học đào tạo ngành		67	1.695	468	1.159	68
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		6	90	67	17	06
MH8	CBLD017	Luật du lịch	L/Thuyết	02	30	23	05	02
MH9	KDQH017	Quản trị học	L/Thuyết	02	30	21	07	02
MH10	DLVH017	Văn hóa doanh nghiệp DLKS	L/Thuyết	02	30	23	05	02
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		54	1.515	348	1.111	56
MH11	DLKD019	Kinh tế du lịch	L/Thuyết	04	60	40	17	03
MH12	DLMD019	Marketing du lịch	L/Thuyết	04	60	42	15	03
MH13	DLTL019	Tâm lý du lịch	L/Thuyết	03	45	30	13	02
MH14	DLGD017	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	L/Thuyết	02	30	16	12	02
MH15	DLTT017	Thanh toán quốc tế trong du lịch	L/Thuyết	02	30	18	10	02
MH16	DLLT119	Nghiệp vụ Lễ tân 1	L/Thuyết	03	45	25	18	02
MH17	DLLT219	Nghiệp vụ Lễ tân 2	T/Hành	03	90	06	76	08
MH18	DLNH117	Nghiệp vụ Nhà hàng 1	L/Thuyết	03	45	30	12	03
MH19	DLNH219	Nghiệp vụ Nhà hàng 2	T/Hành	03	90	00	85	05
MH20	DLBU117	Nghiệp vụ Buồng 1	L/Thuyết	02	30	23	05	02
MH21	DLBU219	Nghiệp vụ phục vụ Buồng 2	T/Hành	02	75	10	60	05
MH22	DLBA019	Nghiệp vụ Bar	T/Hành	02	90	10	75	05
MH23	DLQS117	Quản trị kinh doanh khách sạn 1	L/Thuyết	03	45	31	11	03
MH24	DLQS219	Quản trị kinh doanh khách sạn 2	L/Thuyết	03	45	25	17	03
MH25	NNAK119	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị khách sạn	L/Thuyết	02	45	32	10	03
MH26	NNAK217	Thực hành tiếng Anh chuyên ngành quản trị khách sạn	T/Hành	03	90	10	75	05
MH27	DLCS119	Thực hành nghề nghiệp tại cơ sở 1	T/Hành	05	300	00	300	00
MH28	DLCS219	Thực hành nghề nghiệp tại cơ sở 2	T/Hành	05	300	00	300	00
	II.3	Môn học tự chọn		06	90	53	31	06
MH29	DLPM019	Phần mềm quản lý khách sạn	L/Thuyết	02	30	12	16	02
MH30	DLTH019	Tổ chức hội nghị hội thảo	L/Thuyết	02	30	20	08	02
MH31	DLGK017	Giám sát khách sạn	L/Thuyết	02	30	21	07	02
	DLTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630			
		Tổng		95	2.765	628	2.046	91

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khoá;

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-TMDL ngày 17 tháng 9 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)*

Tên ngành:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã ngành:	6810101
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT và tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo các nhà kinh doanh du lịch lữ hành, hướng dẫn, có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp du lịch, lữ hành, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành kinh doanh lữ hành, hướng dẫn du lịch; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

*** Về kiến thức:**

- Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập.
- Trình bày được kiến thức về thiết kế chương trình du lịch, tổ chức xúc tiến, quảng cáo và bán sản phẩm, điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch, thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch

- Mô tả được những kiến thức cơ sở cần thiết cho nghiệp vụ lữ hành và nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như các tài nguyên du lịch, các đặc điểm văn hóa Việt Nam, các tuyến điểm du lịch cơ bản, tâm lý khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, thanh toán quốc tế trong du lịch

*** Về kỹ năng:**

- Hình thành cho người học kỹ năng nghề nghiệp của nghiệp vụ lữ hành như: thiết kế và xây dựng chương trình du lịch

- Có khả năng lập kế hoạch, điều hành các chương trình du lịch

- Vận dụng các kiến thức về xây dựng, tổ chức, thực hiện và bán các chương trình du lịch vào hoạt động nghề nghiệp.

- Sử dụng được ngoại ngữ giao tiếp thông thường và ngoại ngữ chuyên ngành hướng dẫn – lữ hành, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc

*** Về thái độ:**

- Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Nhân viên kinh doanh trong các công ty du lịch và công ty lữ hành, nhân viên marketing, nhân viên điều hành tour, nhân viên tư vấn bán các chương trình du lịch, nhân viên chăm sóc khách hàng, hướng dẫn viên du lịch tại các công ty du lịch, công ty lữ hành. Quản lý cấp trung và quản lý trực tiếp các bộ phận thị trường, điều hành, hướng dẫn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 29 môn học

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.705 giờ

- Khối lượng các môn học chung: 440 giờ

- Khối lượng các môn học đào tạo ngành: 2.265 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 667 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 2.038 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung/dại cương		14	440	160	257	23
MH1	CBCT019	Giáo dục Chính trị	L/Thuyết	03	75	41	29	05
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	02	35	21	12	02
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	05	51	04
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	35	04
MH5	CNTH017	Tin học	L/Thuyết	03	75	15	58	02
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	03	60	21	36	03
MH7	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	03	60	21	36	03
	II	Các môn học chuyên ngành		67	1635	507	1.068	60
	II.1	Các học phần kỹ thuật cơ sở		09	135	92	35	08
MH8	CBLD017	Luật du lịch	L/Thuyết	02	30	23	05	02
MH9	KDQH017	Quản trị học	L/Thuyết	02	30	21	07	02
MH10	DLTL019	Tâm lý du lịch	L/Thuyết	03	45	30	13	02
MH11	DLDL017	Địa lý du lịch	L/Thuyết	02	30	18	10	02
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		51	1380	349	985	46
MH12	DLKD019	Kinh tế du lịch	L/Thuyết	04	60	40	17	03
MH13	DLMD019	Marketing du lịch	L/Thuyết	04	60	42	15	03
MH14	DLTD019	Tuyển điểm du lịch	L/Thuyết	04	60	27	30	03
MH15	DLVD019	Văn hóa du lịch	L/Thuyết	04	60	41	17	02
MH16	DLGD017	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	L/Thuyết	02	30	16	12	02
MH17	DLTT017	Thanh toán quốc tế trong du lịch	L/Thuyết	02	30	18	10	02
MH18	DLLH017	Nghiệp vụ lữ hành	L/Thuyết	02	30	20	8	02
MH19	DLHL019	Thực hành nghiệp vụ lữ hành	T/Hành	03	90	12	70	08
MH20	DLND017	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	L/Thuyết	02	30	20	08	02
MH21	DLHD019	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	T/Hành	03	90	08	74	08
MH22	DLQT019	Quản trị kinh doanh lữ hành	L/Thuyết	04	60	43	13	04
MH23	DLNV119	Thực hành nghiệp vụ 1 (tại cơ sở)	T/Hành	05	300	00	300	00
MH24	DLNV219	Thực hành nghiệp vụ 2 (tại điểm du lịch)	T/Hành	05	300	00	300	00
MH25	NNLH117	Tiếng Anh chuyên ngành Lữ hành- Hướng dẫn 1	L/Thuyết	03	45	32	10	03
MH26	NNLH217	Tiếng Anh chuyên ngành Lữ hành- Hướng dẫn 2	T/Hành	04	135	30	101	04
	II.3	Môn học tự chọn		07	120	66	48	06
MH27	DLPT019	Phong tục tập quán và lễ hội	L/Thuyết	03	45	30	13	02
MH28	DLST017	Du lịch sinh thái	L/Thuyết	02	30	23	5	02
MH29	DLTE019	Hoạt động Teambuilding	L/Thuyết	02	45	13	30	02
	DLTN017	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập	14	630			
		Tổng		95	2.705	667	1.955	83

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

- Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

- Có thể phân bổ nội dung thực hành tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Người học thực hành tại các doanh nghiệp du lịch, có công việc phù hợp với nghề Lễ hành. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (*có thể là người có kinh nghiệm, trình độ đang làm việc tại các cơ sở*) hướng dẫn người học;

+ Thực hành các nghiệp vụ lễ hành (*có giáo viên hướng dẫn*) tại các điểm tham quan, du lịch, các tuyến du lịch hoặc theo các chương trình du lịch;...

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức và phân bổ thời gian thực hành tại cơ sở tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở hoặc chia thành các đợt thực hành nhưng phải đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245 /QĐ-TMDL ngày 17 tháng 9 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Kỹ thuật chế biến món ăn
Mã ngành:	6810207
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT và tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung.

- Đào tạo ra những đầu bếp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, có những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên môn ngành học chế biến, có khả năng ngoại ngữ, tin học, pháp luật giúp người học có thể tự học, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Vị trí ra trường có thể làm việc trực tiếp, trưởng nhóm, trưởng ca, bếp trưởng hay quản lý bộ phận bếp.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Kỹ thuật chế biến món ăn theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

* **Kiến thức**

+ Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

+ Người học được trang bị các kiến thức về kinh doanh ăn uống, tổ chức, chế biến các món ăn tại các khách sạn, nhà hàng và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác với các hình thức phục vụ ăn uống đa dạng. Đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, đồng thời phù hợp với khẩu vị, tập quán ăn uống của khách hàng.

+ Người học được cung cấp kiến thức cần thiết cho nghiệp vụ kỹ thuật chế biến món ăn như: Lý thuyết chế biến, xây dựng thực đơn, văn hóa ẩm thực, thực phẩm và sinh lý dinh dưỡng, kỹ thuật cắt tỉa và trang trí món ăn.....

+ Người học được cung cấp kiến thức về tổ chức làm việc theo nhóm và một số kiến thức quản lý kinh tế, quản lý nghiệp vụ chế biến món ăn như: quản trị tác nghiệp, hạch toán định mức, giao tiếp trong khách sạn du lịch...

+ Người học còn được cung cấp: các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, giáo dục thể chất; các kiến thức về tin học, ngoại ngữ.

*** Kỹ năng:**

+ Sau khi học xong, người học có được các kỹ năng nghề nghiệp trong việc chế biến như sơ chế, cắt thái, phối hợp nguyên liệu, gia vị và các phương pháp chế biến món ăn.

+ Chế biến được các món ăn theo vùng, miền của Việt Nam, các món ăn cơ bản của châu Âu, châu Á, bánh và món ăn tráng miệng.

+ Thực hiện tốt nội quy vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn lao động.

+ Sáng tạo trong chế biến và trình bày món ăn.

+ Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và biết ứng dụng kỹ thuật, công nghệ, ngoại ngữ vào công việc.

+ Người học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

*** Về thái độ:**

+ Tôn trọng và sẵn sàng phục vụ khách hàng.

+ Cởi mở, thân tình với khách hàng

+ Chấp nhận yêu cầu, tiêu chuẩn đạo đức, chuyên môn nghề nghiệp.

+ Tích cực xây dựng đơn vị phát triển

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đảm đương được các vị trí từ nhân viên sơ chế, nhân viên chế biến trực tiếp, thợ nấu chính và các công việc khác trong nhà bếp, có cơ hội trở thành ca trưởng, ca phó đến tổ trưởng các tổ (Sơ chế, cắt thái, sa lát, xốt, xúp, bánh và món ăn tráng miệng...) quản lý chế biến ... trong nhà bếp tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc cụ thể.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 31 môn học

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.795 giờ

- Khối lượng các môn học chung: 440 giờ

- Khối lượng các môn học đào tạo ngành: 2.355 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 560 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 2.235 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung		14	440	160	257	23
MH1	CBCT019	Giáo dục Chính trị	L/Thuyết	03	75	41	29	05
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	02	35	21	12	02
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	05	51	04
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	35	04
MH5	CNTH017	Tin học	L/Thuyết	03	75	15	58	02
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	03	60	21	36	03
MH7	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	03	60	21	36	03
	II	Các môn học đào tạo ngành		67	1725	400	1.229	96
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		20	300	211	72	17
MH8	DLNA017	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	L/Thuyết	03	45	12	28	05
MH9	MAKS017	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản thực phẩm	L/Thuyết	02	30	28	00	02
MH10	MAHD017	Hạch toán định mức	L/Thuyết	02	30	20	08	02
MH11	MAXD017	Xây dựng thực đơn	L/Thuyết	03	45	35	08	02
MH12	MATY017	Tổ chức lao động và kỹ thuật nhà bếp	L/Thuyết	03	45	38	05	02
MH13	MATS017	Thực phẩm và sinh lý dinh dưỡng	L/Thuyết	04	60	44	14	02
MH14	MAVA017	Văn hóa ẩm thực	L/Thuyết	03	45	34	09	02
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		39	1275	130	1.077	68
MH15	MASX017	Quản trị tác nghiệp	L/Thuyết	03	45	43	00	02
MH16	MALC017	Lý thuyết chế biến	L/Thuyết	03	45	43	00	02
MH17	MATV019	Thực hành chế biến món ăn Việt	T/Hành	03	105	00	95	10
MH18	MATA019	Thực hành chế biến món ăn Á	T/Hành	03	90	00	80	10
MH19	MADD019	Chế biến món ăn theo chế độ dinh dưỡng	T/Hành	02	45	00	40	05
MH20	MACT019	Kỹ thuật cắt tía và trang trí tiệc	T/Hợp	03	60	00	55	05
MH21	MATU019	Thực hành chế biến món ăn Âu	T/Hành	02	90	00	85	05
MH22	MATD119	Thực tế doanh nghiệp 1	T/Hành	05	225	00	220	05
MH23	MATD219	Thực tế doanh nghiệp 2	T/Hành	05	300	00	295	05
MH24	MATB019	Thực hành chế biến bánh	T/Hành	02	90	00	80	10
MH25	MATM019	Thực hành chế biến món ăn tráng miệng	T/Hành	02	45	00	40	05
MH26	NNAC017	Tiếng anh chuyên ngành chế biến	L/Thuyết	03	45	30	13	02
MH27	NNTC017	Thực hành tiếng anh chuyên ngành chế biến	T/Hành	03	90	14	74	02
	II.3	Môn học tự chọn		08	150	59	80	11
MH28	MAHC019	Thực hành chế biến món ăn chay	T/Hành	02	45	00	40	05
MH29	DLBR017	Kỹ thuật pha chế đồ uống	L/Thuyết	02	45	15	28	02
MH30	DLGH017	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	L/Thuyết	02	30	16	12	02
MH31	MABV017	Bảo vệ môi trường và an toàn trong nhà hàng	L/Thuyết	02	30	28	00	02
	MATN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	00	630	00
		Tổng		95	2795	560	2.116	119

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo nghề khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-TMDL ngày 17 tháng 9 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Kế toán
Mã ngành:	6340301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung.

Đào tạo cử nhân Kế toán, ngành Kế toán, trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; Có kiến thức về kế toán; Có kỹ năng cơ bản để thực hiện công tác kế toán nói chung và thực hành thành thạo các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp và đơn vị Hành chính sự nghiệp; Có khả năng học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, chương trình này cũng nhằm giúp những cử nhân kế toán hệ đào tạo Cao đẳng chính quy có cơ hội học tiếp liên thông lên hệ Đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

*** Kiến thức:**

+ Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

+ Sau khi đào tạo đảm bảo người học hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề kế toán;

+ Vận dụng được các quy định về kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ của nghề;

+ Vận dụng được tin học, ngoại ngữ vào thực hiện nghiệp vụ kế toán;

+ Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán vào thực tiễn;

+ Xác định cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

*** Kỹ năng:**

- + Lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;
- + Sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
- + Tổ chức công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- + Lập báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- + Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
- + Sử dụng các phần mềm ứng dụng (như: Phần mềm Microsoft excel; Phần mềm kế toán) trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp và kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- + Kiểm tra, đánh giá công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- + Kỹ năng cung cấp thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- + Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nghề kế toán doanh nghiệp
- + Khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả;
- + Khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

*** Về thái độ**

- + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;
- + Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;
- + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong nghề Kế toán, sinh viên có cơ hội:

- Thực hiện được công việc kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, kinh doanh dịch vụ và các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Thực hiện được công việc kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 30 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.825 giờ
- Khối lượng các môn học chung: 440 giờ
- Khối lượng các môn học đào tạo ngành: 2.385 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 659 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 2.166 giờ.
- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã MH	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung/đại cương		14	440	160	257	23
MH1	CBCT019	Giáo dục Chính trị	L/Thuyết	03	75	41	29	05
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	02	35	21	12	02
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	05	51	04
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	35	04
MH5	CNTH017	Tin học	L/Thuyết	03	75	15	58	02
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	03	60	21	36	03
MH7	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	03	60	21	36	03
	II	Các môn học chuyên ngành		67	1695	477	1.129	89
	II.1	Các học phần kỹ thuật cơ sở		13	255	157	86	12
MH7	KDKV019	Kinh tế học vi mô	L/Thuyết	02	45	26	17	02
MH8	CBLM017	Luật Kinh tế (luật thương mại)	L/Thuyết	02	30	19	09	02
MH9	KDQH017	Quản trị học	L/Thuyết	02	30	21	07	02
MH10	CBTE019	Thông kê kinh doanh	L/Thuyết	02	45	30	13	02
MH11	TCTT019	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	L/Thuyết	02	45	30	13	02
MH12	TCHT019	Lý thuyết hạch toán kế toán	L/Thuyết	03	60	31	27	02
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		51	1.365	282	1.010	73
MH13	TCTK019	Tin học kế toán (bao gồm excel + phần mềm)	L/Thuyết	03	75	15	56	04
MH14	TCTU017	Thuế	L/Thuyết	02	45	25	18	02
MH15	TCCK019	Thị trường chứng khoán	L/Thuyết	02	45	18	25	02
MH16	TCPT019	Phân tích hoạt động kinh doanh	L/Thuyết	03	60	30	27	03
MH17	TCKQ019	Kế toán quản trị	L/Thuyết	02	30	18	10	02
MH18	TCKT019	Kiểm toán	L/Thuyết	02	30	23	05	02
MH19	TCTD019	Tài chính doanh nghiệp	L/Thuyết	03	60	30	27	03
MH20	TCKC119	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	L/Thuyết	03	45	23	20	02
MH21	TCKC219	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	L/Thuyết	03	45	20	23	02
MH22	TCKC319	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	L/Thuyết	03	45	23	20	02
MH23	TCKC419	Kế toán tài chính doanh nghiệp 4	L/Thuyết	03	45	22	21	02
MH24	TCTV119	Thực hành nghiệp vụ kế toán tài chính doanh nghiệp 1	T/Hành	03	60	13	42	05
MH25	TCAK019	Kế toán tài chính bằng tiếng Anh	L/Thuyết	03	60	22	36	02
MH26	TCTE119	Thực tập tay nghề 1	Thực Tập	06	270	00	255	15
MH27	TCTE219	Thực tập tay nghề 2	Thực Tập	04	180	00	170	10
MH28	TCTE319	Thực tập tay nghề 3	Thực Tập	06	270	00	255	15
	II.3	Môn học tự chọn		03	75	38	33	04
MH29	TCKM019	Kế toán thương mại	L/Thuyết	03	75	38	33	04
MH30	TCKS019	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	L/Thuyết	03	75	38	33	04
	TCTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	00	630	00
		Tổng		95	2.765	637	2.016	112

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Số lượng môn học tự chọn: 4 môn (14 tín chỉ) được tách chuyên sâu theo 2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Thương mại và Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp. Số lượng môn học tự chọn được sinh viên đăng ký tối đa là 2 môn (tương ứng 7 tín chỉ).

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245 /QĐ-TMDL ngày 17 tháng 9 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	6340404
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng đào tạo:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo các nhà quản trị có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khoẻ tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành như: quản trị chất lượng; quản trị mua; quản trị tiêu thụ hàng hoá, quản trị hàng tồn kho, quản trị nhân lực; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị kinh doanh theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

* **Kiến thức**

- Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập.
- Trình bày được các kiến thức cơ bản của các môn cơ sở ngành như: Quản trị học, Marketing căn bản, quản trị tài chính, luật thương mại, phân tích hoạt động kinh tế,....
- Vận dụng được những kiến thức về quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị nghiệp vụ kinh doanh, thương mại điện tử, chiến lược kinh doanh tư vào các hoạt động của doanh nghiệp.
- Áp dụng được những kiến thức văn hóa, tâm lý kinh doanh để tham gia xây dựng hình ảnh của doanh nghiệp.
- Vận dụng các chức năng quản trị vào các hoạt động sản xuất kinh doanh

của doanh nghiệp đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm, quản lý và phát triển thương hiệu ở doanh nghiệp

*** Kỹ năng**

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển thị trường cho doanh nghiệp.
- Phân tích được nguyên nhân của các hiện tượng kinh tế để đưa ra quyết định đúng đắn
- Tham gia và phối hợp vào các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh
- Kiểm tra, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm sử dụng có hiệu quả các yếu tố trong sản xuất kinh doanh
- Lập được các kế hoạch Mua hàng, dự trữ, bán hàng, kế hoạch marketing, kế hoạch nhân lực.
- Thực hiện tìm kiếm, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán, thương lượng, ký kết hợp đồng, quản trị kho, quản trị dự trữ hàng hóa: xác định số lượng dự trữ, lượng dự trữ hợp lý, tiếp nhận, bố trí, chăm sóc theo dõi kiểm kê hàng, xuất hàng
- Thực hiện các nghiệp vụ trưng bày hàng hóa, chào hàng, bán và giới thiệu sản phẩm tại các cửa hàng bán lẻ, đại lý, siêu thị.
- Tổ chức các chương trình chăm sóc khách hàng và tiếp cận khách hàng
- Tạo lập và quản lý dự án kinh doanh riêng

*** Thái độ**

- Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập, ý thức chấp hành nội quy, quy chế.
- Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hoá - xã hội, phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng, ý thức và kết quả tham gia các hoạt động tập thể, có thái độ hợp tác, chia sẻ trong thực hiện nhiệm vụ.
- Có động cơ làm việc trong sáng, có đạo đức lương tâm ngành nghiệp, sáng tạo trong công việc.
- Có tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại, giải quyết công việc khoa học, hợp lý.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị kinh doanh có khả năng làm nhân viên kinh doanh; nhân viên bán hàng, thủ kho, nhân viên cung ứng và giao nhận hàng hoá, nhân viên nghiên cứu thị trường, chăm sóc khách hàng, tiếp thị, quảng bá và phát triển sản phẩm. Trưởng ca; tổ trưởng hoặc trưởng hay phó các phòng chức năng ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế..

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

- Số lượng môn học: 34
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 2.780 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 440 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.340 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 747 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2.033 giờ
- Thời gian khoá học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung/dại cương		14	440	160	257	23
MH1	CBCT019	Giáo dục Chính trị	L/Thuyết	03	75	41	29	05
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	02	35	21	12	02
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	05	51	04
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	35	04
MH5	CNTH017	Tin học	L/Thuyết	03	75	15	58	02
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	03	60	21	36	03
MH7	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	03	60	21	36	03
	II	Các môn học chuyên ngành		67	1710	587	1.051	72
	II.1	Các môn học kỹ thuật cơ sở		21	495	275	195	25
MH7	KDKV019	Kinh tế học vi mô	L/Thuyết	02	45	26	17	02
MH8	CBSC019	Cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại	L/Thuyết	02	45	28	15	02
MH9	KDLQ019	Lý thuyết quản trị	L/Thuyết	02	45	28	14	03
MH10	KDMC017	Marketing căn bản	L/Thuyết	02	30	20	08	02
MH11	TCQC019	Quản trị tài chính	L/Thuyết	02	45	30	13	02
MH12	TCQL019	Kế toán tài chính cho nhà quản lý	L/Thuyết	02	45	35	08	02
MH13	CBTE019	Thống kê kinh doanh	L/Thuyết	02	45	30	13	02
MH14	KDVH019	Văn hóa doanh nghiệp	L/Thuyết	02	30	20	08	02
MH15	NNAD019	Tiếng Anh kinh doanh	L/Thuyết	3	75	44	27	04
MH16	NNTD017	Thực hành tiếng Anh kinh doanh	T/Hành	2	90	14	72	04
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		36	1.050	223	791	36
MH17	KDQM019	Quản trị Marketing	L/Thuyết	03	60	37	19	04
MH18	KDQL019	Quản trị nguồn nhân lực	L/Thuyết	03	60	28	30	02
MH19	KDCT019	Cung ứng dịch vụ thương mại	L/Thuyết	02	30	20	08	02
MH20	KDQK019	Quản trị nghiệp vụ kinh doanh thương mại	L/Thuyết	03	60	46	11	03
MH21	KDMĐ019	Thương mại điện tử	L/Thuyết	03	60	16	40	04
MH22	KDCL017	Chiến lược kinh doanh	L/Thuyết	02	30	19	09	02
MH23	KDKS019	Khởi sự doanh nghiệp	T/Hợp	02	60	21	36	03
MH24	KDTD119	Thực tập doanh nghiệp 1	T/Hành	04	180	00	176	04
MH25	KDTD219	Thực tập doanh nghiệp 2	T/Hành	04	180	00	176	04
MH26	KDTD319	Thực tập doanh nghiệp 3	T/Hành	04	180	00	176	04
MH27	KDQC019	Quản lý chất lượng hàng hóa dịch vụ	L/Thuyết	02	30	18	10	02
MH28	KDLB019	Lý thuyết bán hàng	L/Thuyết	02	30	18	10	02
MH29	KDTB019	Thực hành bán hàng	T/Hành	02	90	00	90	00
	II.3	Môn học tự chọn		10	165	89	65	11
MH30	CBTO017	Toán kinh tế	L/Thuyết	02	45	18	24	03
MH31	KDKQ017	Kinh doanh quốc tế	L/Thuyết	02	30	21	07	02
MH32	DLTK017	Tâm lý kinh doanh	L/Thuyết	02	30	22	06	02
MH33	CBST019	Soạn thảo văn bản	L/Thuyết	02	30	14	14	02
MH34	KDGT019	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	L/Thuyết	02	30	14	14	02
	KDTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	00	630	00
		Tổng cộng		95	2780	747	1.938	95

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ vào ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-TMDL ngày 17 tháng 9 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)*

Tên ngành:	Tiếng Anh
Mã ngành:	6220206
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Anh có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc.
- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc chuyên ngành Tiếng Anh theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

*** Kiến thức:**

- + Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập ngôn ngữ Tiếng Anh.
- + Có kiến thức cơ bản về bản chất và đặc điểm của Tiếng Anh như: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngôn ngữ chuẩn xác về các giấy tờ, văn bản, thư tín cũng như giao tiếp xã hội.
- + Có các kiến thức cơ bản về dịch thuật trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, thương mại, du lịch, giải trí.

*** Kỹ năng:**

- + Đạt kỹ năng sử dụng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ nâng cao tương đương chuẩn TOEIC 550 để phục vụ mục đích nghề nghiệp
- + Vận dụng được kiến thức đã học để thể hiện trong các tình huống giao tiếp xã hội.
- + Áp dụng được các phương pháp dịch thuật vào thực hành nghiệp vụ biên-phiên dịch Anh- Việt, Việt – Anh trong các lĩnh vực văn hóa- xã hội, kinh tế- thương mại, du lịch – giải trí ở mức độ đơn giản.
- + Vận dụng được kỹ năng cần thiết để hỗ trợ công tác hành chính, đối ngoại: soạn thảo văn thư bằng tiếng Anh, hướng dẫn khách nước ngoài tham quan công ty, ghi chép biên bản, điều hành một số cuộc họp.
- + Áp dụng các kỹ năng mềm cần thiết như: kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hoá, kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, kỹ năng chọn lựa và xử lý thông

tin, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề trong dịch thuật và giao tiếp, kỹ năng thích ứng với yêu cầu của công việc và của thị trường lao động.

+ Có kỹ năng học tập và tư duy khoa học để tiếp tục tự bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

+ Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc trong nhóm, khả năng sáng tạo.

*** Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng**

- Chính trị, đạo đức:

+ Có trình độ lý luận chính trị theo chương trình quy định chung;

+ Có nhận thức đúng đắn về đường lối xây dựng và phát triển đất nước;

+ Hiểu biết về pháp luật và thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc chuyên nghiệp;

+ Có lối sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;

+ Có thái độ tự tôn đối với văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc đồng thời tôn trọng văn hoá và ngôn ngữ các dân tộc khác trên thế giới, góp phần vào quá trình phát triển và hội nhập của đất nước qua công tác dịch thuật;

+ Thể hiện ý thức tích cực học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để đáp ứng yêu cầu của công việc và của nhà tuyển dụng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có kiến thức, kỹ năng cần thiết về thể dục, thể thao;

+ Nắm được các phương pháp rèn luyện thể chất để bảo vệ và tăng cường sức khoẻ, nâng cao thể lực đáp ứng yêu cầu của công việc.

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng – an ninh, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Đại diện bán hàng cho các chi nhánh của các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

- Nhân viên, thư ký văn phòng cho các công ty có đối tác nước ngoài.

- Nhân viên thương vụ tại sân bay, lễ tân khách sạn hoặc công ty có người nước ngoài.

- Giáo viên dạy Tiếng Anh ở cấp Tiểu học và Trung học cơ sở sau khi có Chứng chỉ sư phạm

- Nhân viên phòng hợp tác quốc tế

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 30 môn học

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.735 giờ

- Khối lượng các môn học chung: 440 giờ

- Khối lượng các môn học đào tạo ngành: 2.295 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 698 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 2.037 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				Số TC	Tổng số	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung		14	440	160	257	23
MH1	CBCT019	Giáo dục Chính trị	L/Thuyết	03	75	41	29	05
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	02	35	21	12	02
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết	00	60	05	51	04
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết	00	75	36	35	04
MH5	CNTH017	Tin học	L/Thuyết	03	75	15	58	02
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	03	60	21	36	03
MH7	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	03	60	21	36	03
	II	Các môn học đào tạo ngành		67	1665	538	1054	73
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		23	435	253	162	20
MH8	MACV017	Cơ sở văn hóa Việt Nam	L/Thuyết	02	60	43	15	02
MH9	NNLN017	Dẫn luận ngôn ngữ	L/Thuyết	02	30	28	00	02
MH10	NNNA017	Ngữ âm Tiếng Anh	L/Thuyết	03	60	30	26	04
MH11	NNNP017	Ngữ pháp Tiếng Anh	L/Thuyết	03	90	14	74	02
MH12	NNKG017	Kỹ năng Nghe	L/Thuyết	03	45	30	13	02
MH13	NNKN017	Kỹ năng Nói	L/Thuyết	04	60	48	8	04
MH14	NNKD017	Kỹ năng Đọc	L/Thuyết	03	45	30	13	02
MH15	NNKV017	Kỹ năng Viết	L/Thuyết	03	45	30	13	02
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		35	1020	195	780	45
MH16	NNHG017	Thực hành kỹ năng Nghe	T/Hành	03	90	14	72	04
MH17	NNHN017	Thực hành kỹ năng Nói	T/Hành	03	135	14	116	05
MH18	NNHD017	Thực hành kỹ năng Đọc	T/Hành	03	90	14	72	04
MH19	NNHV017	Thực hành kỹ năng Viết	T/Hành	03	90	14	72	04
MH20	NNDH117	Dịch 1	L/Thuyết	04	90	30	56	04
MH21	NNDH217	Dịch 2	L/Thuyết	03	90	14	72	04
MH22	NNAM017	Văn hóa Anh Mỹ	L/Thuyết	02	60	14	42	04
MH23	NNKT017	Kỹ năng thuyết trình	L/Thuyết	02	60	14	42	04
MH24	NNKP017	Kỹ năng trả lời phỏng vấn Tiếng Anh	L/Thuyết	02	60	10	46	04
MH25	NNTA017	Thư tín Tiếng Anh	L/Thuyết	03	75	15	58	02
MH26	NNNT017	Ngoại ngữ 2- (Tiếng Trung, Tiếng Pháp)	L/Thuyết	03	90	12	76	02
MH27	NNTV017	Từ vựng Tiếng Anh	L/Thuyết	04	90	30	56	04
	II.3	Môn học tự chọn		09	210	90	112	08
MH28	NNTM017	Tiếng Anh thương mại	L/Thuyết	03	75	30	43	02
MH29	NNDL017	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	L/Thuyết	03	75	30	43	02
MH30	NNGT017	Giao tiếp kinh doanh	L/Thuyết	03	60	30	26	04
	NNTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	00	630	00
		Tổng		95	2735	698	1941	96

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chương trình chi tiết của các môn học được xác định dựa trên phiếu phân tích ngành, phân tích công việc ngành Tiếng Anh.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;